

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 318/2022/KDTM-ST

Ngày: 27-01-2022

V/v tranh chấp hợp đồng
cho thuê tài chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Ngọc Tuyền.

2/ Bà Đặng Thị Thu Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Võ Hồng Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 36/2021/TLST-KDTM ngày 15 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2022/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 01 năm 2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty C.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 28 Cao ốc Sài Gòn Trade Centre, số 37 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Tiêu L, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Tầng abc Cao ốc S, số xyz Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 42.2021/GUQ-COL ngày 03/3/2021).

2/ Bị đơn: Công ty P (tên cũ Công ty Một thành viên Vận tải P).

Địa chỉ trụ sở chính: số ght Đường 18, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Nguyễn T, sinh năm 1990, chức danh: Giám đốc.

Địa chỉ: số klm Nguyễn Xiển, khu phố Long Bửu, phường Long Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn T1, sinh năm 1969.

- Bà Nguyễn T, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: số klm Nguyễn Xiển, khu phố Long Bửu, phường Long Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 22/12/2020 nguyên đơn Công ty C, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Tiêu L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty C (gọi tắt là Công ty C) là tổ chức tín dụng phi ngân hàng có chức năng cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty Một thành viên Vận tải P có nhu cầu sử dụng máy móc để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Ngày 02/5/2019, Công ty C và Công ty Một thành viên Vận tải P ký Hợp đồng cho thuê tài chính số B190432801, Phụ lục số B190432801 để thuê tài chính đối với các tài sản:

- 01 ô tô tải thùng kín, hiệu Suzuki, số loại Carry/DV-CDCS1, biển số 50LD -130.40;

- 01 ô tô tải thùng kín, hiệu Suzuki, số loại Carry/DV-CDCS1, biển số 50LD -129.02;

- 01 ô tô tải thùng kín, hiệu Suzuki, số loại Carry/DVI-KD, biển số 50LD -129.66.

Tổng giá trị tài sản thuê là 1.376.269.500 đồng trong đó Công ty Một thành viên Vận tải P trả trước 206.440.425 đồng và Công ty C tài trợ vốn là 1.169.829.075 đồng, tiền ký cược bảo đảm là 68.813.475 đồng. Thời hạn thuê là 60 tháng kể từ ngày 23/5/2019, mỗi tháng Công ty P phải trả 17.757.717 đồng tiền thuê gốc, tiền lãi thuê trên số dư nợ tiền thuê gốc giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty C đã tài trợ cùng với các khoản lãi theo hợp đồng thuê. Trước khi Công ty Một thành viên Vận tải P trả hết toàn bộ vốn gốc và các khoản lãi thì Công ty C vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu tài sản thuê.

Ngày 16/5/2019, Công ty C và Công ty Một thành viên Vận tải P ký Tu chỉnh lần 1 Hợp đồng cho thuê tài chính số B190432801.

Ngoài ra, để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty Một thành viên Vận tải P theo hợp đồng cho thuê tài chính, Công ty C có chấp nhận

Thư bảo lãnh cá nhân của ông Nguyễn T1 và bà Nguyễn T cùng ký ngày 02/5/2019.

Thực hiện hợp đồng thuê, Công ty C đã ký hợp đồng mua bán số B190432801-PC ngày 13/5/2019 với Công ty Đ để mua tài sản thuê với giá 1.260.000.000 đồng. Ngày 22/5/2019, Công ty Một thành viên Vận tải P đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản.

Lãi suất thuê theo hợp đồng thuê được quy định cụ thể tại Thông báo bắt đầu thuê số 6300/1905 ngày 24/5/2019 mà Công ty C phát hành.

Sau khi ký hợp đồng thuê, Công ty Một thành viên Vận tải P đổi tên thành Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải nhanh P.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thuê, Công ty P mới chỉ thanh toán được 10 tháng và thường xuyên thanh toán không đúng hạn mặc dù Công ty C thường xuyên liên lạc nhắc nhở yêu cầu thanh toán.

Do Công ty P vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán nên ngày 24/7/2020, Công ty C đã phát hành Thông báo chấm dứt hợp đồng thuê, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu Công ty P thanh toán số tiền thuê còn thiếu theo hợp đồng thuê tính đến ngày 24/7/2020 là 1.205.108.579 đồng.

Sau đó, Công ty C nhiều lần liên hệ, yêu cầu thanh toán nhưng Công ty P vẫn không thanh toán số tiền thuê còn nợ.

Ngày 24/8/2020, Công ty P bàn giao tài sản thuê là 01 ô tô tải thùng kín, hiệu Suzuki, số loại Carry/DV-CDCS1, biển số 50LD -129.02; và 01 ô tô tải thùng kín, hiệu Suzuki, số loại Carry/DVI-KD, biển số 50LD -129.66 cho Công ty Chailease.

Ngày 17/9/2020, Công ty C ký hợp đồng mua bán số B190432801-DIS để bán tài sản thuê là 01 ô tô tải thùng kín, hiệu Suzuki, số loại Carry/DV-CDCS1, biển số 50LD -129.02; và 01 ô tô tải thùng kín, hiệu Suzuki, số loại Carry/DVI-KD, biển số 50LD -129.66 cho Công ty R với số tiền 420.000.000 đồng.

Ngay sau khi Công ty P bàn giao tài sản thuê còn lại là ô tô tải thùng kín, hiệu Suzuki, số loại Carry/DV-CDCS1, biển số 50LD -130.40, ngày 25/11/2020, Công ty C ký hợp đồng mua bán số B1904328-02-DIS để bán tài sản thuê nói trên cho ông Nguyễn I với số tiền 240.000.000 đồng.

Công ty C đã cầm trừ số tiền bán các tài sản thuê nêu trên, tiền ký cược bảo đảm vào số tiền Công ty P còn nợ.

Ngày 14/12/2020, Công ty C đã có Thư yêu cầu ông Nguyễn T1 và bà Nguyễn T thanh toán số tiền thuê Công ty P còn nợ theo Thư bảo lãnh cá nhân mà ông T1, bà T đã ký nhưng ông T1, bà T không thực hiện.

Do đó, Công ty C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty P (tên cũ là Công ty Một thành viên Vận tải P) phải trả số tiền thuê còn nợ theo Hợp đồng cho thuê tài chính số B190432801, Phụ lục số B190432801 cùng ngày 02/5/2019, Tu chỉnh lần 1 Hợp đồng cho thuê tài chính số B190432801 ngày

16/5/2019 là: 288.028.960 đồng, tiền lãi thuê trong hạn tính từ ngày 25/12/2020 cho đến khi hết thời hạn thuê ngày 25/5/2024 là 151.640.284 đồng; Tổng cộng là 439.669.244 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong tiền thuê, Công ty P còn phải chịu tiền lãi của số tiền thuê chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho thuê tài chính số B190432801 ngày 02/5/2019, Phụ lục số 01 ngày 02/5/2019, Tu chỉnh lần 1 hợp đồng cho thuê tài chính ngày 16/5/2019.

Trường hợp Công ty P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ nêu trên, ông Nguyễn T1, bà Nguyễn T cùng có trách nhiệm thanh toán số nợ nêu trên cho Công ty C theo nội dung Thư bảo lãnh cá nhân ngày 02/5/2019 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

Bị đơn Công ty P, người đại diện theo pháp luật của bị đơn bà Nguyễn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T1, bà Nguyễn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến, cung cấp tài liệu, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng bị đơn, ông T1, bà T vắng mặt, không có ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thủ tục thụ lý, cấp tổng đạt văn bản, nộp tiền tạm ứng án phí đúng theo quy định của pháp luật. Có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Gửi quyết định xét xử cho các đương sự, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, cũng như việc gửi hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu được thực hiện đúng quy định pháp luật. Xác định đúng người tham gia tố tụng trong vụ án, tại phiên tòa xét xử vắng mặt đương sự đúng theo của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định pháp luật. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự, người đại diện ủy quyền của đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, văn bản ủy quyền đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, ý kiến của đương sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty C buộc Công ty P phải thanh toán cho Công ty C số tiền thuê gốc còn nợ là 288.028.960 đồng và tiền lãi thuê trong hạn tính từ ngày 25/7/2020 đến khi hết thời hạn thuê theo hợp đồng ngày 25/5/2024 là 151.640.284 đồng, tổng cộng là 439.669.244 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong tiền thuê gốc, Công ty P còn phải chịu tiền lãi trên số tiền thuê gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho thuê tài chính ngày 02/5/2019, Phụ lục hợp đồng và Tu chỉnh đi kèm.

Trường hợp Công ty P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ nêu trên, ông Nguyễn T1, bà Nguyễn T cùng có trách nhiệm thanh toán số nợ nêu trên cho Công ty C theo nội dung Thư bảo lãnh cá nhân ngày 02/5/2019.

Án phí sơ thẩm Công ty P phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty C khởi kiện Công ty P yêu cầu trả số tiền thuê, tiền lãi thuê, tiền lãi trên số tiền thuê chậm trả theo hợp đồng cho thuê tài chính giữa hai bên; Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng cho thuê tài chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 031084774, đăng ký lần đầu ngày 12/12/2012 là Công ty Một thành viên Vận tải P, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 20/6/2019 là Công ty P, có trụ sở chính tại số ght Đường 18, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Công ty P chưa đăng ký giải thể nên căn cứ quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Công ty P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T1, bà Nguyễn T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Các đương sự tham gia và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Các bên đương sự không yêu cầu mời người làm chứng, người tham gia tố tụng khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chứng cứ của vụ án: Tòa án đã đảm bảo việc công khai các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại các điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự cam kết không có tài liệu chứng cứ nào khác và tại phiên tòa các đương sự cũng không bổ sung thêm chứng cứ nào khác.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về yêu cầu bị đơn trả tiền thuê gốc còn nợ là 288.028.960 đồng và tiền lãi thuê tính từ ngày 25/7/2020 cho đến khi hết thời hạn thuê là 151.640.284

đồng theo Hợp đồng cho thuê tài chính số B190432801, Phụ lục số B190432801 cùng ngày 02/5/2019, Tu chỉnh lần 1 Hợp đồng cho thuê tài chính số B190432801 ngày 16/5/2019:

Căn cứ các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0304738328, 0312084774 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty C và Công ty Một thành viên Vận tải P là các doanh nghiệp được thành lập hợp pháp và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty C có chức năng cho thuê tài chính.

Công ty C và Công ty Một thành viên Vận tải P ký Hợp đồng cho thuê tài chính số B190432801, Phụ lục số B190432801 cùng ngày 02/5/2019, Tu chỉnh lần 1 Hợp đồng cho thuê tài chính số B190432801 ngày 16/5/2019 có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các điều 117, 118, 119 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 113 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên đây là hợp đồng cho thuê tài chính hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo nội dung đã thỏa thuận.

Theo Hợp đồng mua bán số B190432801 ngày 13/5/2019, thỏa thuận sửa đổi ngày 16/5/2019 giữa Công ty C, Công ty Đ và Công ty Một thành viên Vận tải P, thì nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng cho thuê tài chính nói trên: mua các tài sản thuê là 02 ô tô tải thùng kín hiệu Suzuki số loại CARRY/DIV-CDCS1, 01 ô tô tải thùng kín hiệu Suzuki số loại CARRY/DIV-KD và bàn giao các tài sản thuê trên cho bị đơn ngày 13/5/2019.

Căn cứ các hóa đơn giá trị gia tăng số 0022494 ngày 26/6/2019, số 0027504 ngày 30/7/2019, số 0003949 ngày 28/8/2019, số 0007513 ngày 24/9/2019, số 0043370 ngày 28/10/2019, số 0018175 ngày 26/11/2019, số 0023724 ngày 30/12/2019, số 0029083 ngày 03/2/2020, số 0034181 ngày 03/3/2020, số 0001801 ngày 18/6/2020, tính đến ngày chấm dứt hợp đồng – ngày 24/7/2020, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 195.334.890 đồng tiền thuê gốc và 97.673.033 đồng tiền lãi thuê.

Căn cứ các hóa đơn giá trị gia tăng số 0000053, 0000054 ngày 18/9/2020 và hóa đơn giá trị gia tăng số 0000070 ngày 25/11/2020 thì số tiền bán các tài sản thuê là 660.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng cho thuê tài chính, phụ lục và tu chỉnh hợp đồng nói trên, sau khi trừ số tiền đã trả, số tiền bán tài sản thuê cùng với tiền ký cược bảo đảm, tiền miễn giảm VAT, giảm giá trị còn lại; bị đơn còn nợ nguyên đơn 288.028.960 đồng tiền thuê gốc, 151.640.284 đồng tiền lãi thuê trong hạn tính từ ngày 25/12/2020 cho đến khi hết thời hạn thuê ngày 25/5/2024. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền thuê gốc còn nợ là 288.028.960 đồng và 151.640.284 đồng tiền lãi thuê trong hạn tính từ ngày 25/12/2020 cho đến khi hết thời hạn thuê ngày 25/5/2024, tổng cộng là 439.669.244 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.2]. Về yêu cầu tiền lãi trên số tiền thuê chậm trả:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiền lãi trên số tiền thuê chậm trả tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong tiền thuê theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho thuê tài chính là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng cho thuê tài chính số B190432801 ngày 02/5/2019, Phụ lục số 01 ngày 02/5/2019, Tu chỉnh lần 1 hợp đồng cho thuê tài chính ngày 16/5/2019, phù hợp với Khoản 4 Điều 4, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017 và điểm a Khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên chấp nhận.

[3.3]. Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:

Tại các thư bảo lãnh cá nhân ghi ngày 02/5/2019, ông Nguyễn T1, bà Nguyễn T đồng ý bảo lãnh thực hiện các nghĩa vụ của Công ty Một thành viên Vận tải P đối với Công ty C theo hợp đồng cho thuê tài chính nói trên. Việc ông T1, bà T ký kết các thư bảo lãnh nêu trên là tự nguyện, nội dung thư bảo lãnh phù hợp với Điều 335, Điều 338 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, trường hợp Công ty Một thành viên Vận tải P nay là Công ty P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền theo hợp đồng cho thuê tài chính nói trên cho Công ty C thì ông T1, bà T phải liên đới thanh toán thay theo quy định tại Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Án phí sơ thẩm:

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại có giá ngạch là 21.586.770 đồng;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 180, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 259, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 335, Điều 338, Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Khoản 4 Điều 4, Điều 91, Điều 131 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C.

Buộc Công ty P phải thanh toán cho Công ty C số tiền thuê gốc còn nợ là 288.028.960 đồng và tiền lãi thuê trong hạn tính từ ngày 25/12/2020 cho đến khi hết thời hạn thuê ngày 25/5/2024 là 151.640.284 đồng theo Hợp đồng cho thuê tài chính số B190432801 ngày 02/5/2019, Phụ lục số 01 ngày 02/5/2019, Tu chỉnh lần 1 hợp đồng cho thuê tài chính ngày 16/5/2019, tổng cộng là 439.669.244 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong tiền thuê gốc, Công ty P còn phải chịu tiền lãi của số tiền thuê gốc còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho thuê tài chính số B190432801 ngày 02/5/2019, Phụ lục số 01 ngày 02/5/2019, Tu chỉnh lần 1 hợp đồng cho thuê tài chính ngày 16/5/2019.

Trường hợp Công ty P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nêu trên thì ông Nguyễn T1, bà Nguyễn T phải liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C theo Thư bảo lãnh cá nhân ngày 02/5/2019.

2/ Án phí sơ thẩm:

Công ty P phải chịu án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại có giá ngạch là 21.586.770 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho Công ty C số tiền 11.211.624 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0047557 ngày 11/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hời

